***Ngày soạn:*** … / … / 20…

***Tên bài dạy:*** **ÔN TẬP TỈ SỐ, TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- HS khắc sâu được các công thức tính tỉ số của 2 số, tỉ số của 2 đại lượng, tỉ số phần tram PPTCD631PPTCD631của 2 số, tỉ số phần tram của 2 đại lượng

- Kĩ năng: HS vận dụng các các kiến thức trên vào làm các dạng bài tập điển hình và giải một số bài tập vận dụng thực tế theo các cấp độ cụ thể.

***2. Về năng lực***

**2.1 Năng lực chung**

- Năng lực ngôn ngữ: Từ các kiến thức toán học học sinh phát biểu chính xác định nghĩa toán học, biết sử dụng ngôn ngữ toán học vào đời sống.

- Năng lực giao tiếp: Học sinh chủ động tham gia và trao đổi thông qua hoạt động nhóm.

- Năng lực hợp tác: Học sinh biết phối hợp, chia sẻ trong các hoạt động tập thể.

**2.2 Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: HS giải thích được mối liên hệ giữa hai đại lượng phụ thuộc lẫn nhau.

- Năng lực giải quyết vấn đề, mô hình hóa toán học: HS biết áp dụng kiến thức vào bài toán thực tế.

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học: HS biết Sử dụng máy tính cầm tay để tính toán.

***3. Về phẩm chất***

- Chăm chỉ, miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực hiện

- Chuyên cần vận dụng kiến thức vừa học vào làm các bài tập về nhà.

- Tính chính xác, kiên trì, trung thực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị dạy học: Bảng phụ, máy chiếu đa vật thể, máy chiếu projector, …

- Học liệu: Sách giáo khoa, sách bài tập, phiếu học tập

**III. TIỀN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: HS ghi nhớ lại kiến thức về tỉ số, tỉ số phần trăm

b) Nội dung: BT trắc nghiệm dạng điền chỗ trống

**Điền vào chỗ trống được được khẳng định đúng:**

- Tỉ số của hai số  và  () là thương của phép chia số … (1) … cho số … (2) …, kí hiệu là … (3) … hoặc … (4) …

- Tỉ số của hai đại lượng (cùng … (5) … và cùng … (6) …) là tỉ số giữa hai số đo của hai đại lượng đó.

- … (7) … của  và  là .

Ví dụ:

1. Tỉ số của và  là … (8) …

 Tỉ số của  và  là … (9) …

1. Tỉ số phần trăm của  và  là … (10) …

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS điền vào chỗ trống được được khẳng định đúng:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm cá nhân, ghi đáp án tương ứng mỗi câu vào vở  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV gọi lần lượt các HS trả lời mỗi ý  - HS khác nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt đáp án.  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **I. Nhắc lại kiến thức**  - Tỉ số của hai số  và  () là thương của phép chia số … (1) … cho số … (2) …, kí hiệu là … (3) … hoặc … (4) …  - Tỉ số của hai đại lượng (cùng … (5) … và cùng … (6) …) là tỉ số giữa hai số đo của hai đại lượng đó.  - … (7) … của  và  là .  Ví dụ:   1. Tỉ số của và  là … (8) …   Tỉ số của  và  là … (9) …   1. Tỉ số phần trăm của  và  là … (10) …   ***Hướng dẫn giải***       5. loại 6. đơn vị đo 7. Tỉ số phần tram |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (**NẾU KHÔNG CÓ THÌ CHỈ GHI ĐỀ MỤC)

a) Mục tiêu:

b) Nội dung:

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
|  |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**Hoạt động 3.1: Dạng 1. Tính tỉ số của hai số, tỉ số của hai đại lượng**

**a) Mục tiêu:** HS tính được tỉ số của hai số, tỉ số của hai đại lượng theo từng cấp độ

**b) Nội dung:** Phiếu bài tập: Dạng 1. Tính tỉ số của hai số, tỉ số của hai đại lượng

**Bài 1.** Tính tỉ số của:

a) m và 100 cm b) h và 22 phút

**Bài 2.** Tìm tỉ số của hai số a và b, biết:

a) a =m; b = 80cm b) a = 0,3 tạ; b= 15kg

**Bài 3.** Tìm tỉ số của hai số a và b, biết:

1.  ; 
2.  tạ ; 

**Bài 4.** Một người đi bộ một phút được 50 m và một người đi xe đạp một giờ được 12 km. Tính tỉ số vận tốc của người đi bộ và người đi xe đạp.

**Bài 5.** Ta có thể đưa tỉ số của hai số về tỉ số của hai số nguyên. Chẳng hạn, tỉ số của hai số 0,5 và  có thể viết như sau:

.

Hãy viết tỉ số sau đây thành tỉ số của hai số nguyên:

**Bài 6.** Năm nay con 10 tuổi, bố 40 tuổi. Tính tỷ số giữa tuổi con và tuổi bố:

a) Hiện nay;

b) Trước đây 8 năm;

c) Sau đây 30 năm

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV – HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 1 và 2  - H1: Nêu lại cách tìm tỉ số của hai số  - H2: Nêu lại cách tính tỉ số của hai đại lượng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm 3-4 trả lời các câu hỏi của GV  - Các nhóm làm bài vào bảng phụ hoặc phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 nhóm trình bày bài làm  - Các nhóm nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **II. Luyện tập**  **Bài 1.** Tính tỉ số của:  a) m và 100 cm b) h và 22 phút  ***Hướng dẫn giải***  a) Đổi đơn vị: 100cm = 1m  b) Đổi đơn vị: 22 phút =  **Bài 2.** Tìm tỉ số của hai số a và b, biết:  a) a =m; b = 80cm; b) a = 0,3 tạ; b= 15kg  ***Hướng dẫn giải***  (Tương tự **Bài 1**)  a)  b) 2 |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 3 rồi suy luận như hướng dẫn  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của GV  - HS làm bài cá nhân, GV mời 1 HS làm trên bảng  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS thảo luận, nhận xét bài làm trên bảng  - Các nhóm nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài | **Bài 3.** Tìm tỉ số của hai số a và b, biết:   1. ; 2. tạ ;   ***Hướng dẫn giải***  a)  b)  c)  d) |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 4  - H1: Trước khi tính tỉ số vận tốc của người đi bộ và người đi xe đạp thì ta phải làm gì? Lên bảng thực hiện  - H2: Tính tỉ số vận tốc của người đi bộ và người đi xe đạp  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm 3-4 trả lời các câu hỏi của GV  - Các nhóm làm bài vào bảng phụ hoặc phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 nhóm trình bày bài làm  - Các nhóm nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 4.** Một người đi bộ một phút được 50 m và một người đi xe đạp một giờ được 12 km. Tính tỉ số vận tốc của người đi bộ và người đi xe đạp.  ***Hướng dẫn giải***  50m= 0,05 km  1h = 60 phút  Vận tốc người đi bộ:  km/phút  Vận tốc người đi xe đạp  km/phút  Tỉ số vận tốc người đi bộ và người đi xe đạp |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 5  - GV yêu cầu học sinh đọc phần làm mẫu  - H1: Tính ý a  - H2: Tính ý b  - H3: Tính ý c  - H4: Tính ý d  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân làm các ý vào vở  - Các cá nhân học sinh nhận xét bài làm của hs trên bảng  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - Từng HS lên bảng trình bày bài làm  - HS nhận xét bài làm  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra chấm chéo, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 5.** Ta có thể đưa tỉ số của hai số về tỉ số của hai số nguyên. Chẳng hạn, tỉ số của hai số 0,5 và 1 có thể viết như sau:    Hãy viết tỉ số sau đây thành tỉ số của hai số nguyên:  a)  b)  c)  d)  ***Hướng dẫn giải***    a)  b)  c)  d) |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 6  - H1: Tính tỉ số tuổi hiện nay của con và bố  - H2: Trước khi tính tỉ số tuổi của con và bố cách đây 8 năm và sau đây 30 năm ta cần làm gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm 3-4 trả lời các câu hỏi của GV  - Các nhóm làm bài vào bảng phụ hoặc phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 nhóm trình bày bài làm  - Các nhóm nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 6.** Năm nay con 10 tuổi, bố 40 tuổi. Tính tỷ số giữa tuổi con và tuổi bố:  a) Hiện nay;  b) Trước đây 8 năm;  c) Sau đây 30 năm  ***Hướng dẫn giải***  a) Tỉ số tuổi con và bố hiện này là:    b)  Trước đây 8 năm tuổi con là: (tuổi)  Trước đây 8 năm tuổi bố là: (tuổi)  Tỷ số tuổi con và bố trước đây 8 năm là:    b)  Sau 30 năm tuổi con là:  (tuổi)  Sau 30 năm tuổi bố là: (tuổi)  Tỷ số tuổi còn và bố sau 30 năm là: |

**Hoạt động 3.2: Dạng 2. Tìm hai số biết tổng – tỉ, hiệu - tỉ**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng được các kiến thức vào giải các bài tập

**b) Nội dung:** Phiếu bài tập: Dạng 2: Tìm hai số biết tổng - tỷ; hiệu - tỷ

**Bài 1.** Tỉ số của hai số a và b là . Tìm hai số đó biết rằng tổng của chúng bằng 95.

**Bài 2.** Tỉ số của hai số a và b bằng . Tìm hai số đó, biết rằng .

**Bài 3.** Tỉ số của a và b là  , tỉ số của 2 số b và c là  .Tính tỉ số của hai số a và c.

**Bài 4.**  Tỉ số của hai số bằng  . Nếu thêm 35 vào số thứ nhất thì tỉ số của chúng sẽ bằng .Tìm hai số đó.

**Bài 5.**  Tìm hai số, biết tỉ số của chúng bằng  và tích của chúng bằng 40

**Bài 6.** Tỉ số của hai số a và b là  . Tìm hai số đó biết rằng 

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d) Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 1  - H1: Tóm tắt bài toán, lập công thức  - H2: Lên bảng thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời các câu hỏi của GV  - Thực hiện vào vở  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 HS trình bày bài làm  - Các HS còn lại nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 1.** Tỉ số của hai số a và b là . Tìm hai số đó biết rằng tổng của chúng bằng 95.  ***Hướng dẫn giải***  Tỉ số của hai số a và b là  Suy ra => a = . b (1)  Tổng của a và b là 95  Suy ra (2)  Từ (1), (2) suy ra  . b + b = 95          Suy ra  Vậy  và |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 2  - H1: Tóm tắt bài toán, lập công thức  - H2: Lên bảng thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời các câu hỏi của GV  - Thực hiện vào vở  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 HS trình bày bài làm  - Các HS còn lại nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 2.** Tỉ số của hai số a và b bằng . Tìm hai số đó, biết rằng .  ***Hướng dẫn giải***  Tỉ số của hai số a và b là  Suy ra (1)  Tổng của a và b là 95  Suy ra (2)  Từ (1), (2) suy ra              Suy ra  Vậy  và |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 3  - H1: Tóm tắt bài toán, lập công thức  - H2: Lên bảng thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời các câu hỏi của GV  - Thực hiện vào vở  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 HS trình bày bài làm  - Các HS còn lại nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 3.** Tỉ số của a và b là  , tỉ số của 2 số b và c là  .Tính tỉ số của hai số a và c.  ***Hướng dẫn giải***  Tỉ số của a và b là  suy ra   a =  Tỉ số của b và c là  Suy ra   c =  Tỉ số của hai số a và c là |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 4  - H1: Tóm tắt bài toán, lập công thức  - H2: Lên bảng thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời các câu hỏi của GV  - Thực hiện vào vở  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 HS trình bày bài làm  - Các HS còn lại nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 4.**  Tỉ số của hai số bằng . Nếu thêm 35 vào số thứ nhất thì tỉ số của chúng sẽ bằng .Tìm hai số đó.  ***Hướng dẫn giải***  Gọi 2 số đó là a và b  Tỉ số của a và b là  Suy ra  (1)  Nếu thêm 35 vào số a thì tỉ số giữa chúng là  Suy ra    (2)  Từ (1), (2) suy ra                Suy ra  Vậy  và |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 5  - H1: Tóm tắt bài toán, lập công thức  - H2: Lên bảng thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời các câu hỏi của GV  - Thực hiện vào vở  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 HS trình bày bài làm  - Các HS còn lại nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 5.**  Tìm hai số, biết tỉ số của chúng bằng 2 : 5 và tích của chúng bằng 40  ***Hướng dẫn giải***  Gọi 2 số cần tìm là a và b  Theo đề ra ta có  (1)  Mà  (2)  Từ (1), (2) suy ra        hoặc  Với  thì  Với  thì |

**Hoạt động 3.3: Dạng 3. Tìm tỉ số phần trăm của 2 số, tỉ số phần trăm của 2 đại lượng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng các kiến thức vào giải đc các bài tập dạng 3

**b) Nội dung:** Phiếu bài tập Dạng 3: Tìm tỉ số phần trăm của 2 số, tỉ số phần trăm của 2 đại lượng

**Bài 1.** Tìm tỉ số phần trăm của hai số:

1.  và 
2. 0,3 tạ và 50 kg

**Bài 2.** Dân số của ba miền Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ năm 1993 được cho ở bảng dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| Bắc Bộ | 27 triệu người |
| Trung Bộ | 20 triệu người |
| Nam Bộ | 24 triệu người |

Tính tỉ số phần trăm dân số của mỗi miền so với dân số cả nước.

**Bài 3.** Lớp 6A có 25 học sinh nam và 30 học sinh nữ.

Tính tỉ số phần trăm của số học sinh nam, số học sinh nữ và số học sinh cả lớp.

**Bài 4.** Để đi từ nhà đến trường, trong số 40 học sinh lớp 6B có 8 bạn đi xe đạp điện, 20 bạn đi xe đạp, số còn lại đi bộ.

4.1. Tỉ số phần trăm số học sinh lớp 6B đi xe đạp điện so với học sinh cả lớp là:

A. 30% B. 20% C. 35% D. 25%

4.2. Tỉ số phần trăm số học sinh lớp 6B đi xe đạp so với học sinh cả lớp là:

A. 50% B. 20% C. 55% D. 45%

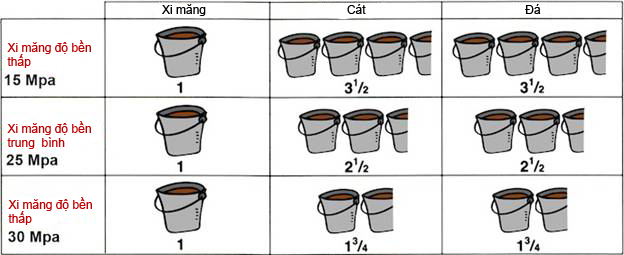
4.3. Tỉ số phần trăm số học sinh lớp 6B đi bộ so với học sinh cả lớp là:

A. 35% B. 20% C. 30% D. 45%

**Bài 5.** Trong 50 kg nước biển có 2,5 kg muối. Tính tỉ số phần trăm muối trong nước biển?

**Bài 6. Trộn bê tông**

Tùy theo đòi hỏi về độ bền chắc của từng công việc mà ta chọn mác xi măng và tùy theo từng mác xi măng mà người dùng trộn theo một tỉ lệ nào đó để đạt được yêu cầu sử dụng.



Hình 6

a. Tính tỉ số phần trăm từng thành phần có trong bê tông. (Loại xi măng có độ bền trung bình 25 Mpa).

b. Nếu một công trình cần 1 tấn xi măng với độ bền trung bình 25 Mpa thì cần bao nhiêu tấn cát, bao nhiêu tấn đá?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d) Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 1  - H1: Làm ý a  - H2: Làm ý b  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS áp dụng công thức đã học hoạt động cá nhân làm bài vào vở  - 2 HS lên bảng thực hiện  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trên bảng trình bày cách làm  - HS nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 1.** Tìm tỉ số phần trăm của hai số:   1. và 2. 0,3 tạ và 50 kg   ***Hướng dẫn giải***  a) Tỉ số phần trăm của  và là  (:).100% = (:).100% =  = 150%  b) 0,3 tạ = 30kg  Tỉ số phần trăm của 0,3 tạ và 50kg là |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 2  - H1: Trước khi tính tỉ số phần trăm của dấn số mỗi miền so với dân số cả nước ta phải làm gì?  - H2: Tính tỉ số phần trăm của Bắc Bộ so với cả nước  - H3: Tính tỉ số phần trăm của Trung Bộ so với cả nước  - H4: Tính tỉ số phần trăm của Nam Bộ so với cả nước  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm 3-4 trả lời các câu hỏi của GV  - Các nhóm làm bài vào bảng phụ hoặc phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 nhóm trình bày bài làm  - Các nhóm nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 2.** Dân số của ba miền Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ năm 1993 được cho ở bảng dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | Bắc Bộ | 27 triệu người | | Trung Bộ | 20 triệu người | | Nam Bộ | 24 triệu người |   Tính tỉ số phần trăm dân số của mỗi miền so với dân số cả nước.  ***Hướng dẫn giải***  Dân số cả nước là: (Triệu người)  Tỉ số phần trăm của dân số Bắc Bộ so với cả nước là    Tỉ số phần trăm của dân số Trung Bộ so với cả nước là    Tỉ số phần trăm của dân số Nam Bộ so với cả nước là |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 3  - H1: Trước khi tính tỉ số phần trăm của số HS nam và số HS nữ so với sô HS cả lớp ta phải làm gì?  - H2: Tính tỉ số phần trăm của HS nam so với HS cả lớp  - H3: Tính tỉ số phần trăm của HS nữ so với HS cả lớp  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm 3-4 trả lời các câu hỏi của GV  - Các nhóm làm bài vào bảng phụ hoặc phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 nhóm trình bày bài làm  - Các nhóm nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 3.** Lớp 6A có 25 học sinh nam và 30 học sinh nữ.  Tính tỉ số phần trăm của số học sinh nam, số học sinh nữ và số học sinh cả lớp.  ***Hướng dẫn giải***  Số học sinh cả lớp là  học sinh  Tỉ số phần trăm của HS nam so với HS cả lớp là    Tỉ số phần trăm của HS nữ so với HS cả lớp là |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 4  - H1: Làm 4.1  - H2: Làm 4.2  - H3: Làm 4.3  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm cá nhân phát biểu bằng thẻ trắc nghiệm A, B, C, D  - HS giải thích và trình bay cách tìm ra đáp án  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày cách đưa ra đáp án  - HS còn lại nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 4.** Để đi từ nhà đến trường, trong số 40 học sinh lớp 6B có 8 bạn đi xe đạp điện, 20 bạn đi xe đạp, số còn lại đi bộ.  4.1. Tỉ số phần trăm số học sinh lớp 6B đi xe đạp điện so với học sinh cả lớp là:  A. 30% B. 20% C. 35% D. 25%  4.2. Tỉ số phần trăm số học sinh lớp 6B đi xe đạp so với học sinh cả lớp là:  A. 50% B. 20% C. 55% D. 45%  4.3. Tỉ số phần trăm số học sinh lớp 6B đi bộ so với học sinh cả lớp là:  A. 35% B. 20% C. 30% D. 45%  ***Hướng dẫn giải***  4.1. B  4.2. A  4.3. C |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 5  - H1: Tính tỉ số phần trăm của muối trong nước biển  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm 3-4 trả lời các câu hỏi của GV  - Các nhóm làm bài vào bảng phụ hoặc phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 nhóm trình bày bài làm  - Các nhóm nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 5.** Trong 50 kg nước biển có 2,5 kg muối. Tính tỉ số phần trăm muối trong nước biển?  ***Hướng dẫn giải***  Tỉ số phần trăm của muối trong nước biển là |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài 6  - H1: Xi măng trong loại 25Mpa chiếm mấy phần? Tổng số phần là bao nhiêu?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm 3-4 trả lời các câu hỏi của GV  - Các nhóm làm bài vào bảng phụ hoặc phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - 1 nhóm trình bày bài làm  - Các nhóm nhận xét bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kết quả và cho điểm  - HS kiểm tra, đối chiếu và chữa bài  - GV chốt lại kiến thức cần ghi nhớ | **Bài 6. Trộn bê tông**  Tùy theo đòi hỏi về độ bền chắc của từng công việc mà ta chọn mác xi măng và tùy theo từng mác xi măng mà người dùng trộn theo một tỉ lệ nào đó để đạt được yêu cầu sử dụng.  Phương pháp trộn bê tông và tỷ lệ các thành phần  Hình 6  a. Tính tỉ số phần trăm từng thành phần có trong bê tông. (Loại xi măng có độ bền trung bình 25 Mpa).  b. Nếu một công trình cần 1 tấn xi măng với độ bền trung bình 25 Mpa thì cần bao nhiêu tấn cát, bao nhiêu tấn đá?  ***Hướng dẫn giải***  Tỉ số phần trăm từng thành phần có trong bê tông. (Loại xi măng có độ bền trung bình 25 Mpa) là: |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng các kiến thức vào giải đc các bài tập

**b) Nội dung:** Phiếu bài tập phần Luyện tập chung

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao cho HS làm cá nhân lần lượt các bài tập phần luyện tập chung.

- GV lần lượt mời mỗi bài một HS lên bảng hoặc làm vào bảng phụ.

- GV thu chấm các bài xong trước thời gian quy định hoặc trước khi bài trên bảng xong.

- Hết thời gian quy định, GV mời HS nhận xét các bài trên bảng, GV chốt kết quả, cho điểm.

- HS dưới lớp kiểm tra chéo bài nhau trong từng bàn.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung luyện tập chung** | **Hướng dẫn giải** |
| **Bài 1:** Tìm tỉ số của hai số:    2. tạ tấn | **Bài 1:**  a) Đổi  nên tỉ số của a và b là:  b) Đổi  nên tỉ số của a và b là  c) Đổi tạ yến; tấnyến  nên tỉ số của a và b là  d) Đổi  nên tỉ số của a và b là |
| **Bài 2**: Viết các tỉ số sau đây thành tỉ số của hai số nguyên  a)  b)  c)  d) | **Bài 2:**  a)  b)  c)  d) |
| **Bài 3:** Một người đi bộ một phút được 500m và một người đi xe đạp một giờ được 12km. Tính tỉ số vận tốc người đi bộ và người đi xe đạp. | **Bài 3:**  Đổi  Tỉ số vận tốc người đi bộ và người đi xe đạp là:  Vậy tuổi con là 16 tuổi, tuổi mẹ là  (tuổi) |
| **Bài 4:** Năm nay con 12 tuổi, bố 42 tuổi. Tính tỉ số giữa tuổi của con và tuổi của bố.   1. Hiện nay. 2. Trước đây 7 năm. 3. Sau đây 28 năm. | **Bài 4:**   1. Tỉ số giữa tuổi của con và tuổi của bố hiện nay là:      1. Tuổi con trước đây 7 năm là   (tuổi)  Tuổi bố trước đây 7 năm là  (tuổi)  Tỉ số giữa tuổi của con và tuổi của bố trước đây 7 năm là     1. Tuổi của con sau đây 28 năm là:   (tuổi)  Tuổi của bố sau đây 28 năm là  (tuổi)  Tỉ số giữa tuổi của con và tuổi của bố sau đây 28 năm là: |
| **Bài 5:** Tỉ số của hai số là  . Hiệu hai bình phương của chúng bằng . Tìm hai số đó. | **Bài 5:** Tỉ số của hai số a và b bằng nên ta có  Ta lại có  Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có    Vậy  và |
| **Bài 6:** Tìm tỉ số phần trăm của:   1. và 2. tạ và kg 3. và | **Bài 6:**  a) Tỉ số phần trăm của  và là:    b) Đổi 0,3 tạ = 30 kg  Tỉ số phần trăm của 0,3 tạ và 50kg là:    c) Đổi  Tỉ số phần trăm của 30cm và 0,2km là: |
| **Bài 7**: Tỉ số của hai số a và b bằng 120%. Tìm hai số đó biết rằng | **Bài 7:**  Tỉ số của hai số a và b bằng 120% nên ta có  Ta lại có          Nên |
| **Bài 8:** Tỉ số tuổi con và tuổi mẹ hiện nay là . Cách đây 8 năm tỉ số tuổi con và tuổi mẹ là 1:4. Hỏi hiện nay tuổi con và tuổi mẹ là bao nhiêu? | **Bài 8:**  Gọi x (tuổi) là tuổi của người con hiện nay.  Vì Tỉ số tuổi con và tuổi mẹ hiện nay là nên tuổi mẹ hiện nay là  (tuổi)  Cách đây 8 năm tuổi của con là  (tuổi); tuổi của mẹ là  (tuổi)  Vì Cách đây 8 năm tỉ số tuổi con và tuổi mẹ là 1:4 nên ta có: |
| **Bài 9:** Tỉ số học sinh lớp 6A và 6B là , nếu tăng số học sinh lớp 6A thêm 8 học sinh và lớp 6B thêm 4 học sinh thì tỉ số học sinh của hai lớp là . Tính số học sinh mỗi lớp. | **Bài 9:** Gọi số học sinh của lớp 6A là x (học sinh)  Vì Tỉ số học sinh lớp 6A và 6B là 2:3 nên số học sinh lớp 6B là:  (học sinh)  Nếu tăng số học sinh lớp 6A thêm 8 học sinh thì số học sinh lớp 6A là  (học sinh)  Nếu tăng số học sinh lớp 6B thêm 4 học sinh thì số học sinh lớp 6B là  (học sinh)  Vì tỉ số học sinh của hai lớp là 3:4 nên ta có:              Vậy số học sinh lớp 6A là 40 học sinh, số học sinh lớp 6B là (học sinh) |
| **Bài 10:** Một tủ sách gồn 2 ngăn. Tỉ số giữa số sách của ngăn trên so với ngăn dưới là . Sau khi thêm 30 cuốn sách vào ngăn dưới thì tỉ số giữa số sách của ngăn trên so với ngăn dưới là . Tính số sách ở mỗi ngăn lúc đầu. | **Bài 10:** Chú ý rằng số sách ở ngăn trên lúc đầu và lúc sau không thay đổi, ta lấy nó làm đơn vị để so sánh. Số sách ở ngăn dưới lúc đầu bằng  số sách ngăn trên, lúc sau bằng  số sách ở ngăn trên.  Số sách tăng thêm ở ngăn dưới bằng  số sách ở ngăn trên hay 30 cuốn  Vậy số sách ở ngăn trên lúc đầu là:  (cuốn)  Số sách ở ngăn dưới lúc đầu là:  (cuốn) |
| **Bài 11:** Trong Hội chợ Xuân, một công ty có  tổng số sản phẩm đạt huy chương vàng. Biết rằng trong tổng số sản phẩm của công ty thì số sản phẩm may chiếm . Hỏi trong số sản phẩm may, số sản phẩm đạt huy chương vàng chiếm ít nhất bao nhiêu phần trăm, chiếm nhiều nhất bao nhiêu phần trăm? | **Bài 11:** Ta thấy  nên số sản phẩm may đạt huy chương vàng nhiều nhất nếu tất cả huy chương vàng (chiếm  tổng số) đều thuộc sản phẩm may. Khi đó, số sản phẩm may đạt huy chương vàng so với số sản phẩm may chiếm:  Số sản phẩm may đạt huy chương vàng ít nhất nếu tất cả các sản phẩm khác may (chiếm  tổng số) đều đạt huy chương vàng (do ). Khi đó, số sản phẩm may đạt huy chương vàng chiếm:  tổng số.  Số sản phẩm may đạt huy chương vàng so với số sản phẩm may chiếm: |

**Hoạt động 5: Dặn dò**

* GV yêu cầu HS hoàn thiện các bài tập đã chữa tại lớp vào vở.
* GV yêu cầu HS làm các BTVN củng cố và ôn tập nội dung bài học

**Bài tập về nhà**

**Bài 1:** Tính tỉ số của:

1.  và  b. và 22 phút

**Bài 2:** Tính tỉ số của:

1. và 3 b.  và 

**Bài 3:** Năm nay con 10 tuổi, bố 40 tuổi. Tính tỉ số giữa tuổi con và tuổi bố:

1. Hiện nay;
2. Trước đây 8 năm;
3. Sau đây 30 năm.

**Bài 4:** Tỉ số của hai số a và b là . Tìm hai số đó biết rằng tổng của chúng bằng 95.

**Bài 5:** Một người đi xe đạp trong 1 phút được 250m. Một người khác đi xe máy với vận tốc . Tính tỉ số vận tốc giữa người đi xe đạp và người đi xe máy.

**Bài 6:** Tính tỉ số phần trăm của hai số:

1.  và 
2.  và 

**Bài 7:** Tính tỉ số phần trăm của hai đại lượng:

1.  và 
2.  tấn và kg.

**Bài 8:** Một sản phẩm năm trước bán với giá 80 000 đồng. Năm sau bán với giá 100 000 đồng. Hỏi năm sau giá bán đã tăng thêm bao nhiêu phần trăm?

**Hướng dẫn giải**

**Bài 1:**

1. 

Tỉ số của và là: 

1. phút 

Tỉ số của  và  là 

**Bài 2:**

1. Tỉ số của và 3 là: 
2. Tỉ số của  và  là: 

**Bài 3:**

1. Tỉ số giữa tuổi con và tuổi bố hiện nay là: 
2. Tỉ số giữa tuổi con và tuổi bố trước đây 8 năm là: 
3. Tỉ số giữa tuổi con và tuổi bố sau đây 30 năm là: 

**Bài 4:**

Ta có:  và 



**Bài 5:**

Quãng đường xe đạp đi trong 1 giờ là:



Tỉ số vận tốc giữa xe đạp và xe máy là:



**Bài 6:**

1. Tỉ số phần trăm của  và là: 

Hoặc: 

1. Tỉ số phần trăm của  và là: 

Hoặc: 

**Bài 7:**

a. 

Tỉ số phần trăm của  và là:



b. tấn 

Tỉ số phần trăm của 540 kg và 72 kg là:



**Bài 8:**

Giá bán sản phẩm đó năm sau tăng hơn năm trước là:

(đồng)

Tỉ số phần trăm tăng thêm là:

.

**PHIẾU BÀI TẬP**

**(Phát cho học sinh sử dụng)**

**Dạng 1. Tính tỉ số của hai số, tỉ số của hai đại lượng**

**Bài 1.** Tính tỉ số của:

a) m và 100 cm b) h và 22 phút

**Bài 2.** Tìm tỉ số của hai số a và b, biết:

a) a =m; b = 80cm b) a = 0,3 tạ; b= 15kg

**Bài 3.** Tìm tỉ số của hai số a và b, biết:

1.  ; 
2.  tạ ; 

**Bài 4.** Một người đi bộ một phút được 50 m và một người đi xe đạp một giờ được 12 km. Tính tỉ số vận tốc của người đi bộ và người đi xe đạp.

**Bài 5.** Ta có thể đưa tỉ số của hai số về tỉ số của hai số nguyên. Chẳng hạn, tỉ số của hai số 0,5 và 1 có thể viết như sau:

.

Hãy viết tỉ số sau đây thành tỉ số của hai số nguyên:

**Bài 6.** Năm nay con 10 tuổi, bố 40 tuổi. Tính tỷ số giữa tuổi con và tuổi bố:

a) Hiện nay;

b) Trước đây 8 năm;

c) Sau đây 30 năm

**Dạng 2. Tìm hai số biết tổng - tỷ; hiệu - tỷ**

**Bài 1.** Tỉ số của hai số a và b là 1. Tìm hai số đó biết rằng tổng của chúng bằng 95.

**Bài 2.** Tỉ số của hai số a và b bằng 1. Tìm hai số đó, biết rằng .

**Bài 3.** Tỉ số của a và b là  , tỉ số của 2 số b và c là  .Tính tỉ số của hai số a và c.

**Bài 4.**  Tỉ số của hai số bằng  . Nếu thêm 35 vào số thứ nhất thì tỉ số của chúng sẽ bằng .Tìm hai số đó.

**Bài 5.**  Tìm hai số, biết tỉ số của chúng bằng  và tích của chúng bằng 40

**Bài 6.** Tỉ số của hai số a và b là . Tìm hai số đó biết rằng 

**Dạng 3: Tìm tỉ số phần trăm của 2 số, tỉ số phần trăm của 2 đại lượng**

**Bài 1.** Tìm tỉ số phần trăm của hai số:

1.  và 
2. 0,3 tạ và 50 kg

**Bài 2.** Dân số của ba miền Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ năm 1993 được cho ở bảng dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| Bắc Bộ | 27 triệu người |
| Trung Bộ | 20 triệu người |
| Nam Bộ | 24 triệu người |

Tính tỉ số phần trăm dân số của mỗi miền so với dân số cả nước.

**Bài 3.** Lớp 6A có 25 học sinh nam và 30 học sinh nữ.

Tính tỉ số phần trăm của số học sinh nam, số học sinh nữ và số học sinh cả lớp.

**Bài 4.** Để đi từ nhà đến trường, trong số 40 học sinh lớp 6B có 8 bạn đi xe đạp điện, 20 bạn đi xe đạp, số còn lại đi bộ.

4.1. Tỉ số phần trăm số học sinh lớp 6B đi xe đạp điện so với học sinh cả lớp là:

A. 30% B. 20% C. 35% D. 25%

4.2. Tỉ số phần trăm số học sinh lớp 6B đi xe đạp so với học sinh cả lớp là:

A. 50% B. 20% C. 55% D. 45%

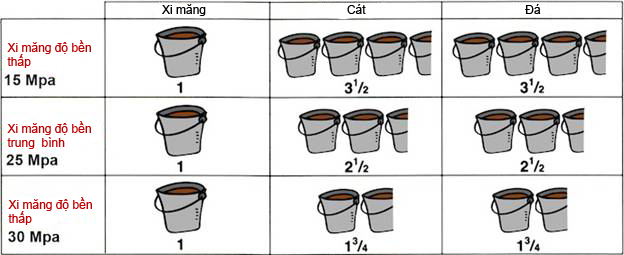
4.3. Tỉ số phần trăm số học sinh lớp 6B đi bộ so với học sinh cả lớp là:

A. 35% B. 20% C. 30% D. 45%

**Bài 5.** Trong 50 kg nước biển có 2,5 kg muối. Tính tỉ số phần trăm muối trong nước biển?

**Bài 6. Trộn bê tông**

Tùy theo đòi hỏi về độ bền chắc của từng công việc mà ta chọn mác xi măng và tùy theo từng mác xi măng mà người dùng trộn theo một tỉ lệ nào đó để đạt được yêu cầu sử dụng.



Hình 6

a. Tính tỉ số phần trăm từng thành phần có trong bê tông. (Loại xi măng có độ bền trung bình 25 Mpa).

b. Nếu một công trình cần 1 tấn xi măng với độ bền trung bình 25 Mpa thì cần bao nhiêu tấn cát, bao nhiêu tấn đá?

**Luyện tập chung**

**Bài 1:** Tìm tỉ số của hai số:

1.  
2. tạ tấn
3.  
4.  

**Bài 2**: Viết các tỉ số sau đây thành tỉ số của hai số nguyên

a)  b)  c)  d)

**Bài 3:** Một người đi bộ một phút được 500m và một người đi xe đạp một giờ được 12km. Tính tỉ số vận tốc người đi bộ và người đi xe đạp.

**Bài 4:** Năm nay con 12 tuổi, bố 42 tuổi. Tính tỉ số giữa tuổi của con và tuổi của bố.

1. Hiện nay.
2. Trước đây 7 năm.
3. Sau đây 28 năm.

**Bài 5:** Tỉ số của hai số là  . Hiệu hai bình phương của chúng bằng . Tìm hai số đó.

**Bài 6:** Tìm tỉ số phần trăm của:

1.  và b) tạ và kg c)  và 

**Bài 7**: Tỉ số của hai số a và b bằng 120%. Tìm hai số đó biết rằng 

**Bài 8:** Tỉ số tuổi con và tuổi mẹ hiện nay là . Cách đây 8 năm tỉ số tuổi con và tuổi mẹ là 1:4. Hỏi hiện nay tuổi con và tuổi mẹ là bao nhiêu?

**Bài 9:** Tỉ số học sinh lớp 6A và 6B là , nếu tăng số học sinh lớp 6A thêm 8 học sinh và lớp 6B thêm 4 học sinh thì tỉ số học sinh của hai lớp là . Tính số học sinh mỗi lớp.

**Bài 10:** Một tủ sách gồn 2 ngăn. Tỉ số giữa số sách của ngăn trên so với ngăn dưới là . Sau khi thêm 30 cuốn sách vào ngăn dưới thì tỉ số giữa số sách của ngăn trên so với ngăn dưới là . Tính số sách ở mỗi ngăn lúc đầu.

**Bài 11:** Trong Hội chợ Xuân, một công ty có  tổng số sản phẩm đạt huy chương vàng. Biết rằng trong tổng số sản phẩm của công ty thì số sản phẩm may chiếm . Hỏi trong số sản phẩm may, số sản phẩm đạt huy chương vàng chiếm ít nhất bao nhiêu phần trăm, chiếm nhiều nhất bao nhiêu phần trăm?

**Bài tập về nhà**

**Bài 1:** Tính tỉ số của:

1.  và  b. và 22 phút

**Bài 2:** Tính tỉ số của:

1. và 3 b.  và 

**Bài 3:** Năm nay con 10 tuổi, bố 40 tuổi. Tính tỉ số giữa tuổi con và tuổi bố:

1. Hiện nay;
2. Trước đây 8 năm;
3. Sau đây 30 năm.

**Bài 4:** Tỉ số của hai số a và b là . Tìm hai số đó biết rằng tổng của chúng bằng 95.

**Bài 5:** Một người đi xe đạp trong 1 phút được 250m. Một người khác đi xe máy với vận tốc . Tính tỉ số vận tốc giữa người đi xe đạp và người đi xe máy.

**Bài 6:** Tính tỉ số phần trăm của hai số:

1. 15 và 40
2.  và 

**Bài 7:** Tính tỉ số phần trăm của hai đại lượng:

1. 45m và 0,72km.
2. 0,54 tấn và 72kg

**Bài 8:** Một sản phẩm năm trước bán với giá 80 000 đồng. Năm sau bán với giá 100 000 đồng. Hỏi năm sau giá bán đã tăng thêm bao nhiêu phần trăm?